

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04A/2020/DS-PT

Ngày: 26/ 02/2020.

V/v: "Yêu cầu bồi thường thiệt
hại "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phôn và bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú - Thẩm tra viên TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Nam. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 và ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959. Có mặt.

Bị đơn: ông Hoàng Văn B, sinh năm: 1954. Có mặt.

Đều cùng địa chỉ: xóm 04, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1956. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền cho ông A là bà Nguyễn Thị T. Có mặt.

2. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1955. Có mặt.

Đều Trú tại: xóm 04, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1 là bị đơn và người liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vụ án có nội dung sau:

** Theo bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu A sử dụng thửa số 392, tờ bản đồ số 13 tại xóm 4, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Nghệ an đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSD Đ) phía tây bắc giáp ranh giới với thửa đất số 397 của hộ liền kề là ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1. Hai gia đình sống ổn định từ năm 1984 không xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp

nhưng từ năm 2015 đến nay gia đình ông B, bà T1 nhiều lần dùng máy mức, mức đất vườn của ông B làm sạt lở nghiêm trọng diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà. Đặc biệt từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018 vợ chồng ông B, bà T1 tiếp tục thuê máy mức, mức đất với độ sâu từ 6 mét đến 7 mét khiến cho diện tích đất liền kề của bà T, ông A bị sạt lở, gây ảnh hưởng đến hiện trạng diện tích đất, cuộc sống của ông A, bà T. Vợ chồng ông, bà đã nhiều lần trao đổi và yêu cầu ông B, bà T1 có biện pháp khắc phục tình trạng sạt lở, nhưng ông B, bà T1 không thực hiện, UBND xã T tiến hành hòa giải nhưng ông B, bà T1 không có thiện chí khắc phục hậu quả đã gây ra. Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Hoàng Văn B, bà Trần Thị T1 dừng việc mức đất gây sạt lở và phải khắc phục thiệt hại sạt lở bằng kê đá hộc, trường hợp ông B, bà T1 không chịu khắc phục hậu quả đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Văn B phải bồi thường cho bà T, ông A số tiền 50.000.000đồng để bà T, ông A khắc phục thiệt hại

** Theo bị đơn là ông Hoàng Văn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1 thống nhất trình bày:*

Ông Hoàng Văn B và Đặng Thị T1 sử dụng thửa đất số 397, tờ bản đồ số 13 đã được cấp Giấy CNQSD Đ và có giáp ranh với thửa đất của bà T, ông A, do điều kiện vườn ở có độ dốc cao, nên vợ chồng ông, bà đã thuê máy mức tiến hành mức đất phần đất vườn gần ruộng để làm nhà. Quá trình mức đất ông B, bà T1 không xâm phạm đến ranh giới thửa đất bà T, ông A. Tháng 7 năm 2108 cơn bão số 3, mưa to kéo dài, kèm theo gió lớn do ông A, bà T không xây dựng hệ thống thoát nước, xây bức tường chắn không cho nước chảy qua, dẫn đến nước đọng lại đã gây ra sạt lở diện tích đất và bờ rào hóp của bà T. Sự việc đã được UBND xã T cho hướng giải quyết là cho máy mức về để mức chỗ đất bị sạt lở, trồng bờ rào bằng hóp để chống sạt lở, nhưng bà T, ông A không chấp nhận.

Đề nghị của ông Hoàng Văn B, bà Đặng Thị T1 là khắc phục sạt lở bằng bờ rào hóp, còn việc xây dựng bờ rào bằng đá hộc hoặc bồi thường thiệt hại 50.000.000đồng như bà T, ông A đề nghị thì ông, bà không chấp nhận.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/5/2019 chiều dài sạt lở của đất bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu A là 22 mét, chiều cao trung bình là 4 mét, nguyên nhân dẫn đến tình trạng sạt lở một phần thửa đất của bà T do hộ gia đình ông Bình mức đất, kèm theo tình trạng mưa lâu ngày gây xói lở.

Tại Biên bản giám định tài sản ngày 16/5/2019 thì để khắc phục dứt điểm tình trạng sạt lở thì phải khắc phục bằng đá hộc, tổng khối lượng cần khắc phục là 19,85m³, theo đơn giá nhà nước là 950.000đồng/1m³, tổng chi phí phải khắc phục là 18.857.500đ.

Với nội dung trên

Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã Quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào các Điều 160, Điều 173, Điều 175, Điều 177, Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 605 Luật dân sự năm 2015

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T

Buộc ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*)

Buộc ông B và bà T1 phải tạo mọi điều kiện để bà T và ông A tập kết vật liệu và thi công việc kê đá học tránh việc sạt lở.

Ngoài ra Bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13/10/2019 ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1 có Đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án Đô Lương xét xử khi ông bị tai nạn, không di chuyển được nhưng vẫn xử vắng mặt. Số tiền đền bù không rõ khoản gì. Khi thẩm định không có mặt gia đình ông. Phía nguyên đơn xây tường lưng cao 40 do cơn bão dài ngày nên nước phải chảy ngược, tức nước vỡ bờ dẫn đến sạt lở.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên không thống nhất quan điểm giải quyết vụ án. Phía người kháng cáo đề nghị: Chỉ chấp nhận khắc phục bằng bờ rào hóp như chỉ thị của Chủ tịch UBND xã T.

Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS, người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong hạn và nộp tạm ứng án phí nên chấp nhận. Về nội dung: Việc xét xử vắng mặt ông B thì Tòa án cấp sơ thẩm đã làm đúng quy định. Nguyên nhân gây sạt lở do ông B mức đất với chiều thẳng đứng nên ông phải bồi thường thiệt hại. Về án phí: ông B là người cao tuổi nhưng phải chịu án phí không đúng quy định, chi phí thẩm định chưa có chứng từ đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung và khắc phục, sửa án theo hướng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo ông B, bà T1 nộp đơn và tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định vì vậy chấp nhận việc kháng cáo của ông, bà đúng quy định và cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1:

Về thủ tục tố tụng: Về xét xử sơ thẩm vắng mặt ông B, bà T1 thì Tòa án sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và xử vắng mặt theo đúng quy định. Về việc thẩm định tại hồ sơ thể hiện ông B có tham gia nhưng bỏ về nhà không ký văn bản, kết quả thẩm định ông B cũng không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm ông không yêu cầu thẩm định, định giá lại.

Về nội dung: Về thiệt hại xảy ra Hội đồng thẩm định ngày 16/5/2019 đã làm việc khách quan đúng quy định, đã xác định nguyên nhân gây thiệt hại do ông B mức đất theo phương thẳng đứng, không giạt cấp nên gây sạt lở nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông B bồi thường để khắc phục hậu quả là đúng quy định của Bộ luật Dân sự. Xét thấy trên cơ sở tính toán của Hội đồng định giá thì chi phí để khắc phục hậu quả, xây kè bằng đá hộc, tổng khối lượng cần khắc phục là 19,85m³, theo đơn giá nhà nước là 950.000đồng/1m³, tổng chi phí phải khắc phục là 18.857.500đ. Chi phí trên đã tính theo đơn giá nên các chi phí phát sinh khác mà cấp sơ thẩm buộc ông B phải chịu là không có cơ sở vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông B phải bồi thường theo số tiền mà Hội đồng thẩm định, định giá đã tính toán.

Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng, cấp sơ thẩm đã khắc phục về chi phí định giá, ông B có yêu cầu miễn án phí nên chấp nhận sửa án sơ thẩm

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo được Tòa án chấp nhận nên ông B không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 309 của BLTTDS. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1. Sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 , Điều 273, Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào các Điều 160, Điều 173, Điều 175, Điều 177, Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 605 Luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1 phải có nghĩa vụ bồi thường để khắc phục hậu quả thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 18.857.000đ (Mười tám triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Buộc ông B và bà T1 phải tạo mọi điều kiện để bà T và ông A tập kết vật liệu và thi công việc kè đá hộc tránh việc sạt lở.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ cho ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị T1.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004294 ngày 28/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Về chi phí thẩm định: Buộc ông Hoàng Văn B phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn B không phải chịu. Trả lại cho ông Hoàng Văn B số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005227 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (do bà T1 nộp).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành án và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chưa trả hết số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự năm 2015 quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
VKSND tỉnh Nghệ An
TAND H. Đô Lương.
Chi cục THADS h. Đô Lương;
UBND xã T.
Các đương sự; Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà